TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13-01-2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Sẩm
2. Bà Lê Thị Thu Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mỹ Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 508/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 611/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 627/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Số H Đường số C, phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Trần Minh Q**, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống gia đình rơi vào tình trạng căng thẳng trầm trọng, anh Q bỏ nhà đi từ tháng 11/2020 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H xin ly hôn với anh Q. Về con chung: Có một con chung là Trần Nguyễn Minh P, sinh ngày 01/12/2010, hiệng đang sống cùng chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Q

cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Trần Minh Q vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, anh Q không gửi văn bản trình bày ý kiến về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo qui định tại điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H, cụ thể: Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với anh Trần Minh Q. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc H được quyền nuôi con chung là Trần Nguyễn Minh P, sinh ngày 01/12/2010, anh Trần Minh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị Ngọc H không có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H đối với anh Trần Minh Q thì vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Anh Trần Minh Q có nơi cư trú tại xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Trần Minh Q tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[2.2] Chị H cho rằng hôn nhân giữa chị và anh Q không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh Q. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân không thể hàn gắn đoàn tụ được. Quá trình Tòa án giải quyết thì anh Q không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến của chị về hôn nhân giữa anh Q và chị H và cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống

chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Có một con chung là Trần Nguyễn Minh P, sinh ngày 01/12/2010. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Trần Nguyễn Minh P sống cùng chị H từ khi chị H và anh Q sống ly thân cho đến nay, chị H cũng đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng con; khi được Tòa án hỏi ý kiến thì cháu Trần Nguyễn Minh P có nguyện vọng được sống cùng chị H khi chị H và anh Q ly hôn. Do đó, để đảm bảo sự phát triển của cháu Trần Nguyễn Minh P cả về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con chung là Trần Nguyễn Minh P cho chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và trình bày không có nợ chung; anh Q vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của anh Q về việc yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]Về án phí:

Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với anh Trần Minh Q.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Nguyễn Minh P, sinh ngày 01/12/2010 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Ngọc H không yêu cầu anh Trần Minh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người

không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, chị Nguyễn Thị Ngọc H, anh Trần Minh Q hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị Nguyễn Thị Ngọc H, anh Trần Minh Q có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0004908 ngày 07/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự (2b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre (1b) ;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND P,6, quận Gò Vấp, TPHCM (1b) ;
- Lưu HS, VP (3b) TC:9b .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Trang